

Số: *16* /2017/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày *18* tháng *7* năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ  
khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BKH-CN-BNV ngày 15 tháng 10 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về khoa học và công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKH-CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKH-CN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKH-CN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BKH-CN ngày 19 tháng 9 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 10/2014/TT-BKH-CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKH-CN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

Xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 19/TTr-KHCN ngày 17 tháng 3 năm 2017; Báo cáo số 359/BC-STP ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Sở Tư pháp.

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

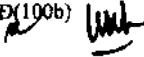
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, TH.

Vanh16/2017-QĐ(100b)



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trịnh Việt Hùng**

**QUY ĐỊNH**

**Quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở  
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~18~~ /2017/QĐ-UBND  
ngày ~~18~~ tháng ~~7~~ năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này hướng dẫn việc quản lý, tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) cấp cơ sở có sử dụng một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng cho các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Nhiệm vụ KH&CN sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước cấp cơ sở là nhiệm vụ KH&CN nhằm giải quyết các vấn đề KH&CN của cơ sở và do thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng thực hiện bao gồm:

a) Đề tài KH&CN cấp cơ sở: Đề tài nghiên cứu khoa học; đề tài nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, nghiên cứu cải tiến phát triển công nghệ; khảo nghiệm, thử nghiệm; nghiên cứu ứng dụng phương pháp mới được thực hiện ở các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, thị xã.

b) Dự án KH&CN cấp cơ sở: Là nhiệm vụ KH&CN có nội dung chủ yếu ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm đã được thẩm định, đánh giá, nghiệm thu bởi các cơ quan có thẩm quyền để xây dựng các mô hình ứng dụng, điểm trình diễn, điểm thử nghiệm do các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố, thị xã thực hiện.

2. Cá nhân tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn và các cá nhân trong và ngoài tỉnh có tham gia thực hiện các nhiệm vụ KH&CN.

3. Bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở là: Phòng Kinh tế và Hạ tầng (hoặc phòng Kinh tế) ở các huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh; phòng (ban, bộ phận) có chức năng theo dõi, quản lý hoạt động KH&CN thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

4. Đơn vị cấp cơ sở là các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là cấp huyện) thuộc tỉnh.

5. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở là Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (đối với cấp huyện); thủ trưởng các sở, ban, ngành (đối với cấp ngành).

6. Tổ chức chủ trì là cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện các đề tài, dự án.

## **Chương II**

### **XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

#### **Điều 4. Yêu cầu khi đề xuất nhiệm vụ**

1. Nhiệm vụ KH&CN đề xuất thực hiện nhằm ứng dụng vào thực tiễn các kết quả nghiên cứu đối với đơn vị cấp cơ sở.

2. Giải quyết các vấn đề KH&CN chủ yếu phục vụ cho nhiệm vụ của đơn vị cấp cơ sở; sản xuất các sản phẩm chủ lực của địa phương để tác động nâng cao trình độ công nghệ và phát triển kinh tế xã hội ở địa phương.

3. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có tính mới, tính khoa học, tính khả thi và phục vụ cho nhu cầu phát triển của đơn vị cấp cơ sở.

4. Hồ sơ đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có mục tiêu, nội dung và giải pháp tổ chức, khả năng phối hợp thực hiện hiệu quả, dự kiến kết quả, sản phẩm đạt được, phương pháp nghiên cứu phù hợp và cụ thể.

5. Sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải là luận cứ khoa học, cơ sở để xây dựng chính sách hoặc phát triển các sản phẩm như: Giống mới, công nghệ, quy trình, mô hình ứng dụng đáp ứng các nhu cầu sản xuất đời sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

#### **Điều 5. Điều kiện của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì thực hiện phải có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KH&CN, có đủ điều kiện về năng lực chuyên môn cần thiết cho việc triển khai đề tài, dự án thành công. Tổ chức chủ trì thực hiện có thể phối hợp với các cơ quan, cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực chuyên môn để thực hiện nội dung đề tài, dự án.

2. Cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải có trình độ đại học trở lên và có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác theo đúng lĩnh vực hoặc tương đương chuyên môn của đề tài, dự án đăng ký chủ trì thực hiện.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký chủ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang chủ nhiệm từ hai đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở, cấp tỉnh trở lên.

b) Có đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu chậm so với thời hạn kết thúc hợp đồng nghiên cứu; hoặc kết quả đề tài, dự án

đánh giá nghiệm thu ở mức “Không đạt” thì không được tham gia đăng ký chủ nhiệm đề tài, dự án trong thời gian một (01) năm kể từ thời điểm có kết luận của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở.

c) Cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trong thời hạn ba (03) năm kể từ ngày có quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

d) Các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước không thực hiện trách nhiệm báo cáo thông tin nhiệm vụ, giao nộp kết quả nghiên cứu, báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sẽ không được tham gia đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cho đến khi thực hiện xong các yêu cầu theo quy định.

## **Điều 6. Xây dựng danh mục nhiệm vụ**

### **1. Xác định nhu cầu nhiệm vụ KH&CN của đơn vị:**

Hàng năm, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến trước ngày 30 tháng 5 của năm trước liền kề năm kế hoạch, các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho năm sau thông qua việc tổ chức thông báo, lấy ý kiến rộng rãi của các cán bộ khoa học và các cán bộ quản lý trực thuộc đơn vị mình về các nhiệm vụ KH&CN cấp thiết.

Bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở chịu trách nhiệm tập hợp các đề xuất nghiên cứu, ứng dụng KH&CN của các tổ chức, cá nhân để tổng hợp danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho năm kế hoạch.

2. Hội đồng KH&CN cấp cơ sở họp xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN được ưu tiên thực hiện:

a) Hội đồng KH&CN cấp cơ sở có số lượng từ 7 đến 13 thành viên, trong đó: 1/2 số thành viên là đại diện cho các tổ chức và phòng ban liên quan trong đơn vị, 1/2 số thành viên là các cán bộ hoạt động trong lĩnh vực KH&CN có liên quan; Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có ít nhất 2/3 số thành viên có mặt.

b) Trên cơ sở danh mục các nhiệm vụ KH&CN đã tổng hợp, Hội đồng xem xét, phân tích lựa chọn các nhiệm vụ ưu tiên thực hiện theo các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Quy định này.

c) Hội đồng bỏ phiếu lựa chọn nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo hai loại: “Được thực hiện” và “Không được thực hiện”.

Các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được thực hiện phải có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng đồng ý.

d) Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN được đề nghị thực hiện; thông báo công khai đến các tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở để lập hồ sơ; đồng thời gửi về Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp quản lý trong quá trình tổ chức thực hiện.

### **Chương III**

## **ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ VÀ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ**

**Điều 7. Thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

1. Thành phần của Hội đồng:

Hội đồng đánh giá hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có từ 7 đến 11 người gồm: Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng sở, ban, ngành; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó hoặc cơ quan thường trực quản lý KH&CN cấp cơ sở; Thư ký Hội đồng là cán bộ phụ trách KH&CN của đơn vị cấp cơ sở; hai phản biện và các thành viên khác.

Thành viên Hội đồng là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN mà Hội đồng đang xác định, xét duyệt, đánh giá hồ sơ.

2. Cá nhân thuộc các trường hợp sau không được là thành viên Hội đồng:

a) Cá nhân đăng ký chủ nhiệm hoặc tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

3. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng:

a) Đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng.

b) Nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định; viết nhận xét, đánh giá và luận giải cho việc đánh giá. Các thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập, cho điểm, xếp loại theo các tiêu chí được quy định tại Điều 10 của Quy định này.

**Điều 8. Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

1. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở gồm:

a) Văn bản đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

b) Thuyết minh chi tiết nội dung nhiệm vụ.

c) Bảng tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

d) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

đ) Giấy xác nhận phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (nếu có).

2. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được gửi về bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (số lượng từ 7 đến 11 bộ).

## **Điều 9. Trình tự làm việc của Hội đồng đánh giá hồ sơ nhiệm vụ**

1. Thư ký Hội đồng đọc quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN trình bày nội dung thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

4. Hội đồng trao đổi, thảo luận, bổ sung hoặc sửa đổi những nội dung chi tiết liên quan đến từng yếu tố cơ bản của thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Nội dung thảo luận gồm:

- Mục tiêu cần đạt.
- Nội dung cần nghiên cứu.
- Phương pháp nghiên cứu.
- Kết quả dự kiến đạt được.
- Tổng mức kinh phí dự kiến.

5. Hội đồng dùng phiếu chấm điểm thuyết minh chi tiết cho từng nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

## **Điều 10. Chấm điểm thuyết minh nhiệm vụ**

1. Đối với đề tài KH&CN cấp cơ sở (tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Đánh giá tổng quan (điểm tối đa 8).
- b) Nội dung, phương pháp nghiên cứu và kỹ thuật sử dụng (điểm tối đa 24).
- c) Tính mới và khả năng nhân rộng của sản phẩm KH&CN (điểm tối đa 16).
- d) Phương pháp chuyển giao ứng dụng của các sản phẩm và phương án tổ chức để triển khai ứng dụng sản phẩm (điểm tối đa 16).
- đ) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).
- e) Năng lực của tổ chức và các cá nhân tham gia (điểm tối đa 16).

2. Đối với dự án KH&CN cấp cơ sở (điểm tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Tổng quan về vấn đề công nghệ và thị trường của dự án (điểm tối đa 8).
- b) Nội dung và phương án triển khai (điểm tối đa 24).
- c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ (điểm tối đa 12).
- d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế - xã hội dự kiến của dự án (điểm tối đa 16).
- đ) Phương án tài chính (điểm tối đa 24).
- e) Năng lực thực hiện (điểm tối đa 16).

3. Đối với đề tài khoa học xã hội và nhân văn cấp cơ sở (tối đa 100 điểm) theo các nhóm tiêu chí sau:

- a) Tổng quan tình hình nghiên cứu (điểm tối đa 12).
- b) Nội dung và hoạt động hỗ trợ nghiên cứu (điểm tối đa 12).
- c) Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu (điểm tối đa 12).
- d) Tính khả thi về kế hoạch và kinh phí thực hiện (điểm tối đa 20).
- đ) Tính mới của sản phẩm, lợi ích kết quả của đề tài và phương án chuyển giao sản phẩm, kết quả nghiên cứu (điểm tối đa 24);
- e) Năng lực và kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thực hiện (điểm tối đa 20).

4. Thư ký Hội đồng kiểm phiếu đánh giá nội dung thuyết minh chi tiết nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Nhiệm vụ được thực hiện khi thuyết minh có tổng số điểm của các tiêu chí đánh giá là 70 điểm trở lên và không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên có mặt cho điểm không (0 điểm).

### **Điều 11. Thẩm định kinh phí**

1. Thành phần: Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có từ 03 - 05 thành viên do Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định thành lập; Tổ trưởng tổ thẩm định là lãnh đạo đơn vị quản lý nhiệm vụ, tổ phó là đại diện đơn vị quản lý kinh phí và các thành viên liên quan; khi thẩm định kinh phí mời đại diện Ban chủ nhiệm đề tài, dự án cấp cơ sở tham gia.

2. Nguyên tắc thẩm định kinh phí:

a) Trong thời hạn năm (05) ngày kể từ khi có biên bản họp Hội đồng KH&CN cấp cơ sở, tổ thẩm định kinh phí phải tổ chức cuộc họp.

b) Hồ sơ thẩm định kinh phí: Gồm biên bản đánh giá hồ sơ nhiệm vụ của Hội đồng KH&CN cấp cơ sở và bản thuyết minh chi tiết của chủ nhiệm nhiệm vụ đã chỉnh sửa theo ý kiến của Hội đồng.

3. Định mức chi cho nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

Căn cứ quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành; đơn vị cấp cơ sở ban hành các nội dung và định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cho phù hợp, định mức không vượt quá quy định tại Quyết định số 37/2015/QĐ-UBND ngày 25/11/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định định mức xây dựng, phân bổ, quyết toán và hỗ trợ kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên.

4. Trách nhiệm của tổ thẩm định:

a) Chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả thẩm định của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của tổ thẩm định.

b) Thẩm định sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của hội đồng, dự toán kinh phí của đề tài, dự án với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí cho các thành viên thực hiện; chi phí thuê chuyên gia; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu; thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện.

c) Kết quả thẩm định kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được tổ thẩm định thống nhất thông qua biên bản và tổng hợp trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định.

### **Điều 12. Hoàn thiện và phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ**

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ theo kết luận của Hội đồng, tổ thẩm định trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của tổ thẩm định và gửi về bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở để trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt.

2. Đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét, rà soát các hồ sơ trước khi phê duyệt. Trong trường hợp cần thiết có thể kiểm tra thực tế cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức, cá nhân được giao chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

3. Trên cơ sở kết luận của Hội đồng, tổ thẩm định và đề nghị của đơn vị chức năng, trong thời hạn 10 ngày làm việc bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở có trách nhiệm tổng hợp hồ sơ và kết quả trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký quyết định phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, tiến hành ký kết hợp đồng, làm căn cứ để bố trí kế hoạch thực hiện.

### **Điều 13. Ký kết hợp đồng triển khai nhiệm vụ**

Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN. Hợp đồng áp dụng theo mẫu hợp đồng được ban hành theo Thông tư số 05/2014/TT-BKH&CN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, về việc ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”.

## **Chương IV**

### **QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng đơn vị và bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

1. Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở:

a) Quyết định thành lập các hội đồng cấp cơ sở: Hội đồng xác định danh mục nhiệm vụ; Hội đồng đánh giá hồ sơ nhiệm vụ; Tổ thẩm định kinh phí; Tổ chuyên gia; Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ.

b) Chịu trách nhiệm phê duyệt danh mục, nội dung nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được Hội đồng cấp cơ sở xét chọn để thực hiện; phê duyệt kết quả của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

c) Ký hợp đồng với các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và giao trách nhiệm cho bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện; tổ chức nghiệm thu, công bố, triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

d) Chỉ đạo bộ phận quản lý tổng hợp các hồ sơ của nhiệm vụ KH&CN có sử dụng nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc các nguồn kinh phí khác do đơn vị mình thực hiện, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định.

## 2. Trách nhiệm của bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Tổng hợp các thuyết minh nhiệm vụ và biên bản họp Hội đồng đánh giá hồ sơ nhiệm vụ đề trình Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt.

b) Tổng hợp hồ sơ nhiệm vụ KH&CN đã được Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở phê duyệt đăng ký thực hiện theo năm kế hoạch gửi về Sở Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 5 hằng năm.

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ (hoặc đột xuất) tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN và đánh giá quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo các nội dung sau:

- Kiểm tra, giám sát khối lượng công việc và nội dung công việc theo đề cương thuyết minh đã duyệt.

- Kiểm tra tình hình sử dụng kinh phí.

- Có ý kiến trong việc điều chỉnh một phần nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc tham mưu với Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở ra quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ nếu đơn vị chủ trì không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng hoặc do yếu tố khách quan.

## **Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ**

### 1. Trách nhiệm của tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

a) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã được phê duyệt; đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân lực tài chính cần thiết để triển khai nhiệm vụ; có thể lựa chọn, phối hợp hoặc ký hợp đồng trách nhiệm với các tổ chức, cá nhân khác để triển khai thực hiện nhiệm vụ theo đúng tiến độ trong hợp đồng đã ký.

b) Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, giao nộp sản phẩm, thanh quyết toán tài chính, lưu giữ sổ sách và chứng từ kế toán, nghiệm thu kết quả và thanh lý hợp đồng khi kết thúc nhiệm vụ; thực hiện bảo mật các nội dung, kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định hiện hành.

### 2. Trách nhiệm của chủ nhiệm nhiệm vụ:

a) Xây dựng, trình duyệt nội dung thuyết minh và dự toán kinh phí, triển khai thực hiện các nội dung đã được phê duyệt; chịu trách nhiệm về số liệu, nguồn thông tin và kết quả của nhiệm vụ.

b) Có trách nhiệm báo cáo cho bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở định kỳ sau mỗi đợt ứng kinh phí được quy định trong hợp đồng. Nội dung báo cáo cần ghi rõ khối lượng công việc đã triển khai, đánh giá kết quả sơ bộ đạt được, tình hình sử dụng kinh phí, kế hoạch triển khai giai đoạn tiếp theo.

c) Khi có thay đổi về nội dung, địa điểm, kinh phí, tiến độ thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở và bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

d) Chịu trách nhiệm trước tổ chức chủ trì về nội dung, kinh phí; hồ sơ nghiệm thu và thanh quyết toán nhiệm vụ.

### **Điều 16. Chế độ báo cáo, kiểm tra, điều chỉnh**

1. Các tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở lập báo cáo định kỳ (6 tháng, năm) về tình hình thực hiện đề tài, dự án gửi về đơn vị cấp cơ sở.

2. Đơn vị cấp cơ sở phối hợp với các tổ chức có liên quan định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung, tiến độ, sử dụng kinh phí và những vấn đề liên quan đến nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản lưu hồ sơ. Đơn vị cấp cơ sở căn cứ vào kết quả kiểm tra để xem xét cho điều chỉnh, bổ sung kinh phí, hoặc chấm dứt việc thực hiện đề tài, dự án nếu xét thấy cần thiết.

3. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, nếu tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN xét thấy có những nội dung, yêu cầu cần điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, hoặc trường hợp bất khả kháng (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, biến động quá lớn của thị trường,...) dẫn đến không hoàn thành mục tiêu thì tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ phải có báo cáo giải trình đề nghị điều chỉnh nội dung, kinh phí gửi đến đơn vị cấp cơ sở.

Đơn vị cấp cơ sở căn cứ thực tế xem xét, có ý kiến cho điều chỉnh nội dung, kinh phí hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở. Quá trình xem xét này kéo dài không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày đơn vị cấp cơ sở nhận đủ hồ sơ.

### **Điều 17. Quản lý tài chính đối với nhiệm vụ được triển khai**

1. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được cấp phát theo hợp đồng và dự toán hàng năm đã được cơ quan quản lý đề tài, dự án KH&CN cấp cơ sở phê duyệt.

Việc lập, giao dự toán, thực hiện dự toán và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở căn cứ theo quy định hiện hành.

2. Kết thúc năm tài chính, kết thúc nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm đề tài, dự án phải lập hồ sơ quyết toán kinh phí gửi về đơn vị cấp cơ sở. Hồ sơ gồm:

a) Báo cáo tình hình thực hiện nội dung và kinh phí đã được cấp.

b) Báo cáo quyết toán (chi tiết và tổng hợp).

**Chương V**  
**ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ NHIỆM VỤ**  
**KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**Điều 18. Hội đồng, Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá nghiệm thu**

1. Hội đồng và Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở quyết định thành lập trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

2. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có từ 7 đến 9 thành viên, Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch) Ủy ban nhân dân cấp huyện, thủ trưởng sở, ban, ngành; Phó Chủ tịch Hội đồng là cấp phó hoặc cơ quan thường trực quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở; Thư ký Hội đồng là cán bộ phụ trách KH&CN của đơn vị cơ sở; 02 phản biện là các nhà khoa học, chuyên gia có uy tín, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành KH&CN và một số thành viên khác liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN.

Phiên họp Hội đồng được tổ chức trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền), 02 ủy viên phản biện (hoặc 01 ủy viên phản biện và bản nhận xét đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của ủy viên phản biện vắng mặt).

Thành phần hồ sơ nghiệm thu được quy định tại Khoản 2 Điều 19 của Quy định này phải được bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở gửi đến các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên gia (nếu có) trước phiên họp ít nhất 03 ngày làm việc.

3. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng:

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác.

4. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề tài, dự án, Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng nhiều hơn quy định này.

5. Tổ chuyên gia tư vấn đánh giá, nghiệm thu có 03 thành viên gồm các thành viên của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng là tổ trưởng. Tổ chuyên gia được thành lập trong trường hợp đề tài, dự án có sản phẩm đo kiểm được: Có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy, nhận định tính xác thực các sản phẩm của đề tài, dự án.

## **Điều 19. Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

### **1. Nguyên tắc đánh giá:**

a) Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, thực hiện trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở đã phê duyệt; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) đã ký kết và các nội dung đánh giá theo quy định.

b) Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

c) Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

### **2. Thành phần hồ sơ gồm:**

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của tổ chức chủ trì.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Báo cáo chuyên đề; báo cáo hội thảo khoa học (nếu có).

d) Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích, quy trình kỹ thuật...); biên bản kiểm tra; sổ nhật ký của đề tài, dự án.

đ) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.

e) Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

### **3. Nộp hồ sơ nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:**

a) Thời hạn nộp hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

b) Hồ sơ được gửi đến bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở thuộc cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN (số lượng từ 7- 9 bộ).

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở có nhiệm vụ thông báo cho tổ chức chủ trì tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì tổ chức chủ trì phải bổ sung trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của bộ phận quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở.

## **Điều 20. Trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

1. Thành phần tham dự các phiên họp của Hội đồng bao gồm: Thành viên Hội đồng, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN, đại diện tổ chức chủ trì, đại diện cơ quan chủ quản, đại diện tổ chức có liên quan thuộc đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN, các thành viên khác do đơn vị cấp cơ sở mời trong trường hợp cần thiết.

### **2. Trình tự làm việc của Hội đồng:**

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần và đại biểu tham dự.

b) Chủ tịch Hội đồng (hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền) chủ trì phiên họp thông qua nội dung làm việc của Hội đồng theo quy định.

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án trình bày tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, báo cáo về sản phẩm KH&CN và báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

d) Tổ trưởng tổ chuyên gia báo cáo kết quả thẩm định đối với nhiệm vụ KH&CN (nếu có); các ủy viên phân biện đọc nhận xét đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ; Ủy viên thư ký đọc phiếu nhận xét của thành viên vắng mặt (nếu có); các thành viên Hội đồng nêu ý kiến trao đổi về kết quả nhiệm vụ.

đ) Các thành viên trong Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN về kết quả và các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ KH&CN. Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở và các cá nhân có liên quan trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có).

e) Ủy viên thư ký ghi chép các ý kiến thảo luận tại phiên họp, kiểm phiếu, tổng hợp ý kiến của các thành viên Hội đồng, xây dựng và hoàn thiện biên bản đánh giá, nghiệm thu theo ý kiến kết luận tại phiên họp của Hội đồng.

g) Các thành viên Hội đồng đánh giá xếp loại nhiệm vụ KH&CN theo phiếu quy định; Thư ký Hội đồng kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo kết quả kiểm phiếu.

h) Chủ tịch Hội đồng dự thảo kết luận đánh giá của Hội đồng; trường hợp Hội đồng đánh giá xếp loại “Không đạt” cần xác định rõ những nội dung đã thực hiện theo hợp đồng đề đơn vị chủ trì nhiệm vụ KH&CN xem xét xử lý theo quy định hiện hành. Hội đồng thảo luận để thống nhất từng nội dung kết luận và thông qua biên bản.

i) Đại diện các tổ chức phát biểu ý kiến (nếu có).

3. Yêu cầu đối với việc đánh giá của Hội đồng:

a) Việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thông qua phiếu đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN.

b) Các thành viên Hội đồng đánh giá một cách độc lập, không trao đổi về kết quả đánh giá của mình.

c) Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu đánh giá đúng quy định cho từng nội dung đánh giá.

d) Phiếu không hợp lệ là phiếu do thành viên bỏ trống hoặc đánh giá không theo quy định.

đ) Kết quả xếp loại chung của nhiệm vụ KH&CN dựa trên kết quả đánh giá của từng chuyên gia theo quy định tại Khoản 4 Điều 21 Quy định này.

4. Ý kiến kết luận của Hội đồng, biên bản nghiệm thu được bộ phận quản lý KH&CN cấp cơ sở gửi cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kết thúc phiên họp để làm căn cứ cho việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

### **Điều 21. Nội dung, phương pháp đánh giá nghiệm thu và xếp loại**

1. Nội dung đánh giá:

a) Đánh giá về Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và logic của báo cáo (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng, quy trình kỹ thuật ứng dụng của đề tài, dự án,...)

và tài liệu kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với yêu cầu của thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

2. Yêu cầu cần đạt đối với báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Tổng quan được các kết quả nghiên cứu đã có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN.

b) Số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật.

c) Nội dung báo cáo là toàn bộ kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án được trình bày theo kết cấu hệ thống và logic khoa học với các luận cứ khoa học có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ KH&CN phù hợp với các quy định chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học.

d) Kết cấu nội dung, văn phong khoa học phù hợp.

3. Đánh giá của thành viên Hội đồng:

a) Mỗi chủng loại sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN đánh giá trên các tiêu chí về số lượng, khối lượng, chất lượng sản phẩm theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi vượt mức so với đặt hàng; “Đạt” khi đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng; “Không đạt” khi không đáp ứng đúng, đủ yêu cầu theo đặt hàng.

b) Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đánh giá theo 03 mức sau: “Xuất sắc” khi báo cáo đã hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu quy định tại Khoản 2 Điều này; “Đạt” khi báo cáo tổng hợp cần chỉnh sửa, bổ sung và có thể hoàn thiện; “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên.

c) Đánh giá chung nhiệm vụ KH&CN theo 03 mức sau:

- “Xuất sắc” khi tất cả các tiêu chí về sản phẩm đều đạt mức “Xuất sắc” và Báo cáo đạt mức “Đạt” trở lên.

- “Đạt” khi đáp ứng đồng thời các yêu cầu: Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên; Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng); Báo cáo đạt mức “Đạt” trở lên.

- “Không đạt” khi không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm quá 03 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn (nếu có).

4. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng:

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ KH&CN có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

- b) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN không thuộc điểm a và c Khoản này.
- c) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức “Không đạt”.

5. Đối với nhiệm vụ KH&CN được Hội đồng đánh giá ở mức “Đạt” trở lên, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng.

Đơn vị cấp cơ sở phối hợp với Chủ tịch Hội đồng kiểm tra, giám sát việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá của nhiệm vụ KH&CN. Chủ tịch Hội đồng xác nhận về việc hoàn thiện hồ sơ của chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

6. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở:

a) Nhiệm vụ KH&CN được quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo quy định hiện hành.

b) Đối với nhiệm vụ KH&CN xếp loại mức “Không đạt”, đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

c) Việc công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo các quy định hiện hành.

d) Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có kết quả thực hiện bị đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc không gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về đơn vị quản lý nhiệm vụ KH&CN đúng thời gian quy định sẽ bị hạn chế quyền đăng ký thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 5 của Quy định này.

## **Chương VI**

### **ĐĂNG KÝ, LƯU GIỮ VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

#### **Điều 22. Đăng ký và lưu giữ kết quả**

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ KH&CN.

#### **Điều 23. Công nhận kết quả**

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ bao gồm:

- a) Biên bản họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu.
- b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ.
- c) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.
- d) Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ hoàn thiện sau nghiệm thu.

## 2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này, Thủ trưởng đơn vị cấp cơ sở có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện đề tài, dự án theo quy định và phân cấp quản lý.

### **Điều 24. Nhân rộng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

#### 1. Điều kiện để nhân rộng:

a) Những nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở xếp loại xuất sắc; nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh được Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh xếp loại khá trở lên.

b) Kết quả được đánh giá có tính ứng dụng và hiệu quả kinh tế cao, có khả năng phát triển thành hàng hóa.

c) Địa bàn triển khai nhân rộng phù hợp với quy hoạch của địa phương.

2. Các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được phép nhân rộng phải thông qua Hội đồng KH&CN cấp cơ sở xác định danh mục và tuân thủ theo các điều khoản trong quy định này.

## **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 25. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở**

1. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được hình thành từ các nguồn sau:

a) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do UBND cấp huyện quản lý, tổ chức thực hiện sử dụng nguồn ngân sách hàng năm của địa phương và ngân sách cấp tỉnh phân bổ (nếu có).

b) Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở do các sở, ban, ngành quản lý, tổ chức thực hiện sử dụng nguồn kinh phí ngân sách sự nghiệp của sở, ban, ngành.

c) Nguồn kinh phí của các đơn vị chủ trì: Tổ chức chủ trì, tổ chức KH&CN tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở xây dựng kế hoạch kinh phí đối ứng cùng với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước trong quá trình thực hiện.

d) Nguồn tham gia đóng góp của các doanh nghiệp hoặc các tổ chức có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu.

đ) Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác.

2. Định mức chi cho các hoạt động của nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được dự toán theo các quy định tài chính hiện hành, định mức kinh tế kỹ thuật của các ngành thuộc lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KH&CN và các quy định khác có liên quan.

## **Điều 26. Xử lý vi phạm**

Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

## **Điều 27. Khiếu nại, tố cáo**

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan có quyền khiếu nại về các quyết định hành chính, kết quả đánh giá của hội đồng; cá nhân có quyền tố cáo các hành vi vi phạm của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đánh giá đề tài, dự án.

2. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo hiện hành.

## **Điều 28. Hướng dẫn thực hiện**

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các sở, ngành, đơn vị đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật./.



**Trịnh Việt Hùng**